TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH TÂN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 02 - 2025
V/v tranh chấp "ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Đức

2. Ông Trương Văn Ánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Điền - là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024; về tranh chấp: "*ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXX-ST ngày 03 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Mộng T**, sinh năm 1982. Địa chỉ: số E, Hậu Giang, phường A, quận F, TP .. Hiện cư ngụ: tổ 14, khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Thái Công C**, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/9/2024 nguyên đơn bà Trần Thị Mộng T trình bày: Bà và ông Thái Công C qua quen biết, tìm hiểu nhau, tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 2014, không tổ chức lễ cưới, không tặng cho nữ trang; đăng ký kết hôn ngày 23/10/2015 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng sống tại thành phố Hồ Chí Minh, đến tháng 8/2015 về sống tại khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; hạnh phúc khoảng 02 năm. Có 01 con chung tên Thái Trâm A, sinh ngày 23/8/2015, hiện sống với bà. Trong thời gian chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung; vợ chồng không thiếu nợ ai và

cũng không cho ai mượn nợ. Mâu thuẫn phát sinh dẫn đến ly hôn là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau và không thể hòa hợp trong cuộc sống, dẫn đến vợ chồng thường hay gây gổ nhau, vợ chồng đã nhiều lần cố gắng khuyên bảo lẫn nhau thay đổi để hàn gắn tình cảm nhưng đều không thành từ đó đời sống vợ chồng không hạnh phúc; ly thân từ tháng 4/2024 đến nay. Hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: yêu cầu được ly hôn ông Thái Công C; Về con chung: Thái Trâm A, sinh ngày 23/8/2015, bà yêu cầu giải quyết cho bà được quyền nuôi con chung, bà không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con; Về quan hệ tài sản (tài sản chung, nợ chung): không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà không còn yêu cầu nào khác.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/11/2024 cháu Thái Trâm A trình bày:* cha mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng cháu sống với mẹ.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mộng T được ly hôn với ông Thái Công C. Giao cháu Thái Trâm A, sinh ngày 23/8/2015 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; ông C chưa phải cấp dưỡng nuôi con; ông C được quyền thăm nom con chung mà không bị ai cản trở. Về tài sản chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí buộc bà T nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Trần Thị Mộng T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Thái Công C, ông C có nơi cư trú thuộc huyện B nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập bị đơn ông Thái Công C tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng ông C vẫn vắng mặt. Bà Trần Thị Mộng T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.3] Bị đơn ông Thái Công C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không trình bày ý kiến, không đưa ra được

chứng cứ chứng minh nên ông C đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Ông C phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mộng T và ông Thái Công C tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở. Bởi lẽ quá trình chung sống ông bà bất đồng quan điểm với nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không còn hạnh phúc; ly thân từ tháng 4/2024 đến nay; từ lâu đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng không còn quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà T xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông C, bà yêu cầu được ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn ông C là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung:

Bà T yêu cầu được quyền nuôi Thái Trâm A, sinh ngày 23/8/2015. Xét thấy từ khi bà T và ông C không còn sống chung, bà T là người trực tiếp chăm sóc con, cuộc sống của con vẫn được đảm bảo. Mặt khác, yêu cầu của bà T phù hợp nguyện vọng của cháu Trâm A sống với mẹ. Do đó Hội đồng xét xử xem xét giao cháu Trâm A cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định của pháp luật thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, tuy nhiên bà T không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: Bà Trần Thị Mộng T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị Mộng T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Mộng T và ông Thái Công C.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung Thái Trâm A, sinh ngày 23/8/2015 cho bà Trần Thị Mộng T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: bà Trần Thị Mộng T không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Ông Thái Công C có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Thái Trâm A được sống chung với bà Trần Thị Mộng T.

Ông Thái Công C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; đồng thời người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản: bà Trần Thị Mộng T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Mộng T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* do bà Trần Thị Mộng T nộp theo biên lai thu số 0000121 ngày 11/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Vậy bà T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Kim Ngân

Nơi nhận:
- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- UBND xã Tân An Thạnh, H. Bình Tân, T. Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu.